BỘ TÀI CHÍNH	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
	Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
Số: /TTr-BTC	*Hà Nội, ngày tháng năm 2019*

TỜ TRÌNH

Dự thảo Quyết định sửa đổi, bổ sung Quyết định số 45/2017/QĐ-TTg ngày 16/11/2017 của Thủ tướng Chính phủ sửa đổi, bổ sung Quyết định số 36/2016/QĐ-TTg ngày 01/9/2016 của Thủ tướng Chính phủ quy định việc áp dụng thuế suất thông thường đối với hàng hóa nhập khẩu

Kính gửi: Thủ tướng Chính phủ

Thực hiện quy định của Luật ban hành văn bản quy phạm pháp Luật năm số 80/2015/QH13, thực hiện thông báo ý kiến chỉ đạo của Phó Thủ tướng Vương Đình Huệ về thuế suất nhập khẩu dầu thô cho Nhà máy lọc dầu Dung Quất tại công văn số 10381/VPCP-KTTH ngày 25/10/2018: *"Bộ Tài chính nghiên cứu đề nghị của Tập đoàn dầu khí Việt Nam tại văn bản số 4606/DKVN-TMDV-TCKT ngày 1/8/2018, chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan xem xét, đề xuất nội dung và thời điểm phù hợp để sửa đổi, bổ sung Quyết định số 36/2016/QĐ-TTg ngày 1/9/2016 quy định việc áp dụng thuế suất thông thường đối với hàng hóa nhập khẩu và Quyết định số 45/2017/QĐ-TTg ngày 16/11/2017 về việc sửa đổi, bổ sung Quyết định số 36/2016/QĐ-TTg ngày 1/9/2016 quy định việc áp dụng thuế suất thông thường, báo cáo Thủ tướng Chính phủ"*, Bộ Tài chính xin trình Thủ tướng Chính phủ dự thảo Quyết định sửa đổi, bổ sung Quyết định số 45/2017/QĐ-TTg ngày 16/11/2017 của Thủ tướng Chính phủ sửa đổi, bổ sung Quyết định số 36/2016/QĐ-TTg ngày 01/9/2016 của Thủ tướng Chính phủ quy định việc áp dụng thuế suất thông thường dối với hàng hóa nhập khẩu như sau:

I. SỰ CẦN THIẾT SỬA ĐỔI QUYẾT ĐỊNH SỐ 45/2017/QĐ-TTG

- Thứ nhất, sửa đổi thuế suất thuế nhập khẩu thông thường của mặt hàng dầu thô để tháo gỡ khó khăn cho doanh nghiệp:

Ngày 16/11/2017, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 45/2017/QĐ-TTg về việc sửa đổi, bổ sung Quyết định số 36/2016/QĐ-TTg quy định việc áp dụng thuế suất thông thường đối với hàng hoá nhập khẩu với hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2018. Mức thuế suất thông thường tại Quyết định số 45/2017/QĐ-TTg được quy định căn cứ điểm c khoản 3 Điều 5 Luật thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu số 107/2016/QH13 *"Thuế suất thông thường được quy định bằng 150% thuế suất ưu đãi của từng mặt hàng tương ứng. Trường hợp mức thuế suất ưu đãi bằng 0%, Thủ tướng Chính phủ căn cứ quy định tại Điều 10 của Luật này để quyết định việc áp dụng mức thuế suất thông thường"*. Theo đó, tại Quyết định số 45/2017/QĐ-TTg quy định mức thuế suất thông thường là

5% đối với 3.282 dòng hàng hiện đang được quy định mức thuế suất MFN là 0% tại Biểu thuế nhập khẩu ưu đãi ban hành kèm theo Nghị định số 125/2017/NĐ-CP ngày 16/11/2017 sửa đổi, bổ sung Nghị định số 122/2016/NĐ-CP, trong đó có mặt hàng dầu thô.

Sau 02 năm thực hiện Quyết định số 36/2016/QĐ-TTg và Quyết định số 45/2017/QĐ-TTg (kể từ ngày 1/9/2016 đến nay), Bộ Tài chính nhận được 02 công văn của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam và Công ty cổ phần lọc hoá dầu Bình Sơn (BSR) kiến nghị về sửa đổi thuế suất thuế nhập khẩu thông thường của mặt hàng dầu thô của Công ty cổ phần lọc hoá dầu Bình Sơn.

Theo phản ánh của công ty BSR, do nguồn cung dầu thô cho NMLD Dung Quất từ nguồn dầu thô khai thác trong nước của mỏ Bạch Hổ đang giảm, không còn đáp ứng nhu cầu dầu thô để vận hành 100% công suất nhà máy như thiết kế. Công ty phải nhập khẩu dầu thô từ các khu vực, quốc gia khác nhau trên thế giới (09 nước). Trong đó, nguồn nhập khẩu dầu thô có xuất xứ từ các nước như Azerbaijan và Libya phải chịu thuế nhập khẩu thông thường là 5%. Dầu thô Azeri nhập khẩu từ Azerbaijan được đánh giá là loại dầu thô chiến lược của NMLD Dung Quất do có sản lượng khai thác lớn, lịch bốc dầu linh động, giá bán cạnh tranh, tính chất tương đối phù hợp với cấu hình của nhà máy với tỷ lệ chế biến cao nên sẽ là một trong nguồn dầu thô cơ bản có thể thay thế dầu thô Bạch Hổ cung cấp cho nhà máy khi nguồn dầu thô Bạch Hổ sụt giảm. Tuy nhiên, với mức thuế suất nhập khẩu thông thường 5% như hiện nay khiến cho chi phí mua dầu thô Azeri tăng, hiệu quả chế biến giảm sút, có thể không mua được làm ảnh hưởng lớn đến việc đảm bảo nguồn cung dầu thô cho NMLD Dung Quất trong giai đoạn hiện nay và sau khi nâng cấp mở rộng nhà máy.

Theo số liệu của TCHQ, kim ngạch nhập khẩu dầu thô từ các nước năm 2017 là 476,5 triệu USD trong đó lượng nhập khẩu từ Azerbaijan là 250,4 triệu USD chiếm tỷ trọng 52,5% (9 tháng 2018 đạt khoảng 78,8 triệu USD). Hiện nay, trong nước chỉ có 02 nhà máy lọc hoá dầu Bình Sơn và lọc hoá dầu Nghi Sơn. Đối với nhà máy lọc hoá dầu Nghi Sơn, Chính phủ đã cho nhà máy được hưởng ưu đãi thuế nhập khẩu dầu thô là 0%[1] vì vậy, nhà máy lọc hoá dầu Nghi Sơn không phải nộp thuế nhập khẩu đối với dầu thô trong khi nhà máy lọc hoá dầu Bình Sơn phải nộp thuế nhập khẩu 5% đối với nguồn nhập khẩu từ các nước[2] không thực hiện đối xử tối huệ quốc trong quan hệ thương mại với Việt Nam, không có thoả thuận ưu đãi đặc biệt về thuế nhập khẩu trong quan hệ thương mại với Việt Nam (trong đó có Azeri).

Thứ hai, sửa đổi mô tả hàng hoá của một số mặt hàng, nhóm mặt hàng tại biểu thuế suất thuế thông thường ban hành kèm theo Quyết định số 45/2017/QĐ-TTg để thống nhất với nội dung Thông tư sửa đổi, bổ sung Thông tư số 65/2017/TT-BTC ngày 27/6/2017 về Danh mục hàng hoá xuất khẩu, nhập khẩu Việt Nam.

---

[1] khoản 3 phụ lục B-Chế độ thuế kèm theo GGU thì *"Dự án NSRP được hưởng mức thuế suất thuế nhập khẩu dầu thô là 0% đối với bất kỳ lượng dầu thô nhập khẩu nào sử dụng cho mục đích của NSRP.*

[2] Bosnia Herzegowina, Serbia, Timor Leste, New Caledonia, Puerto Rico, San Marino, Liberia, Azeri

Xuất phát từ thực tiễn nêu trên, Bộ Tài chính trình Thủ tướng Chính phủ sửa đổi, bổ sung Quyết định số 45/2017/QĐ-TTg để sửa đổi thuế suất thuế nhập khẩu thông thường đối với mặt hàng dầu thô, một số mặt hàng khoáng sản, quặng, nhiên liệu khoáng và mô tả hàng hoá của một số mặt hàng, nhóm mặt hàng là cần thiết.

II. MỤC ĐÍCH, QUAN ĐIỂM CHỈ ĐẠO VIỆC XÂY DỰNG DỰ THẢO QUYẾT ĐỊNH SỬA ĐỔI, BỔ SUNG QUYẾT ĐỊNH SỐ 45/2017/QĐ-TTG.

1. Mục đích

- Thống nhất trong thực hiện Danh mục hàng hoá xuất khẩu, nhập khẩu Việt Nam, tạo thuận lợi cho công tác quản lý thu thuế của cơ quan hải quan;

- Tiếp tục tạo thuận lợi cho hoạt động xuất nhập khẩu; nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia; góp phần thúc đẩy sản xuất xuất khẩu với giá trị gia tăng cao do sử dụng nguồn tài nguyên khoáng sản, quặng và nhiên liệu khoáng nhập khẩu làm nguyên liệu sản xuất đầu vào cho doanh nghiệp trong nước đảm bảo chất lượng và giá cá cạnh tranh và ổn định qua đó góp phần tăng trưởng kinh tế; đáp ứng tốt hơn yêu cầu của nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa.

2. Quan điểm xây dựng dự thảo Quyết định

- Phù hợp các chuẩn mực trong các điều ước quốc tế mà Việt Nam đã ký kết và tuân thủ theo cam kết; bảo đảm có khả năng tương thích với các hiệp định mà Việt Nam đang đàm phán để gia nhập trong thương lai.

- Bảo đảm đúng với quy định của Luật thuế số 107/2016/QH13;

- Nội dung quy định cụ thể minh bạch đảm bảo phát huy được hiệu quả của chính sách tạo thuận lợi cho hoạt động xuất nhập khẩu theo tinh thần của các Nghị Quyết 19/NQ-CP của Chính phủ về cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia, tháo gỡ khó khăn cho hoạt động sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp, thuận lợi hơn cho công tác quản lý thu thuế của cơ quan hải quan

- Tuân thủ thẩm quyền, hình thức, trình tự, thủ tục xây dựng, ban hành Quyết định theo đúng quy định tại Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 80/2015/QH13 và các văn bản hướng dẫn thi hành.

III. QUÁ TRÌNH XÂY DỰNG DỰ THẢO QUYẾT ĐỊNH

Bộ Tài chính đã thực hiện xây dựng dự thảo Quyết định theo đúng các trình tự, thủ tục quy định Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 80/2015/QH13, cụ thể:

1. Bộ Tài chính đã có công văn số /BTC-CST ngày / /2019 gửi xin ý kiến các Bộ, cơ quan ngang Bộ, UBND các tỉnh, thành phố, Phòng Thương mại và công nghiệp Việt Nam (*VCCI*), một số Tập đoàn và gửi đăng Cổng Thông tin điển tử của Chính phủ và của Bộ Tài chính (*cơ quan soạn thảo*) để xin ý kiến của các tổ chức, cá nhân đối với dự thảo Quyết định.

2. Ngày / /2019, Bộ Tài chính đã có văn bản số /BTC-CST gửi xin ý kiến thẩm định của Bộ Tư pháp. Ngày / /2019, Bộ Tư pháp có báo cáo số /BC-BTP thẩm định dự thảo Quyết định.

IV. BỐ CỤC VÀ NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA DỰ THẢO QUYẾT ĐỊNH

1. Bố cục

a) Phạm vi sửa đổi: Dự thảo Quyết định sửa đổi thuế suất thuế nhập khẩu thông thường đối với mặt hàng dầu thô, một số mặt hàng khoáng sản, quặng, nhiên liệu khoáng và sửa đổi mô tả hàng hoá của một số mặt hàng, nhóm mặt hàng.

b) Bố cục: dự thảo Quyết định gồm 02 Điều

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 1 Quyết định số 45/2017/QĐ-TTg ngày 16/11/2017 của Thủ tướng Chính phủ

Điều 2. Hiệu lực và tổ chức thực hiện.

2. Nội dung cơ bản

(1) Sửa đổi thuế suất thuế nhập khẩu thông thường của một số mặt hàng.

a) Đối với mặt hàng dầu thô: Theo Quyết định số 45/2017/QĐ-TTg, mặt hàng dầu mỏ thô thuộc mã hàng 2709.00.10 có mức thuế suất thuế thông thường 5%. Hiện nay, mức thuế suất MFN và FTA của mặt hàng dầu thô được quy định là 0%, theo đó, Bộ Tài chính trình Thủ tướng Chính phủ xem xét sửa đổi thuế suất thông thường của mặt hàng dầu thô từ 5% xuống 0%.

Với KNNK dầu thô từ Azerbaijan là 250.455.519 USD thì việc giảm thuế NK xuống 0% sẽ tác động giảm thu NSNN là 288 tỷ đồng/năm (tỷ giá 23.000 VNĐ/USD).

b) Đối với một số mặt hàng khoáng sản, quặng và nhiên liệu khoáng.

Ngoài mặt hàng dầu mỏ thô, các mặt hàng khoáng sản, quặng, nhiên liệu khoáng cũng đang được quy định mức thuế suất thông thường là 5% tại Quyết định số 45/2017/QĐ-TTg.

Hiện nay, nguồn tài nguyên khoáng sản không tái tạo trong nước đang có xu hướng cạn kiệt, trong khi đó nền kinh tế Việt Nam đang trong quá trình tăng trưởng, quy mô nền kinh tế Việt Nam năm sau luôn cao hơn năm trước thể hiện qua tăng trưởng GDP từ năm 2012 đến nay đều ở mức trên 5%. Vì vậy, nhu cầu nhập khẩu khoáng sản, quặng và nhiên liệu khoáng để phục vụ cho công nghiệp chế sản xuất công nghiệp trong nước gia tăng. Mặc dù hiện nay, không phát sinh KNNK áp dụng thuế suất thông thường nhưng với xu hướng phát triển của các ngành công nghiệp trong nước thì khả năng sẽ phát sinh KNNK từ các nước áp dụng thuế suất thông thường trong thời gian tới. Vì vậy, Bộ Tài chính trình Thủ tướng Chính phủ xem xét cho sửa đổi giảm thuế suất thông thường của 25 nhóm

mặt hàng khoáng sản, quặng và nhiên liệu khoáng (trừ dầu thô) theo danh mục kèm theo từ 5% xuống 0%.

Với KNNK năm 2017 của 25 nhóm mặt hàng trên là 239,6 triệu USD và đều áp dụng mức thuế suất MFN 0% nên việc giảm thuế suất thông thường từ 5% xuống 0% sẽ không tác động giảm thu thuế nhập khẩu.

(2) Sửa đổi mô tả của 03 nhóm mặt hàng: Hiện nay, Tổng cục Hải quan đang xây dựng dự thảo Thông tư sửa đổi, bổ sung Thông tư số 65/2017/TT-BTC ngày 27/6/2017 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung mô tả 26 đề mục (trong đó có sửa tên chương, tên nhóm hoặc tên mô tả của mã hàng). Qua rà soát thì có 03 nhóm mặt hàng có tên trong danh mục Biểu thuế suất thông thường đã được sửa đổi, bổ sung mô tả hàng hoá. Do vậy, để thống nhất trong thực hiện thì cần thiết sửa đổi mô tả hàng hoá của một số mặt hàng, nhóm mặt hàng tại Biểu thuế suất thuế thông thường ban hành kèm theo Quyết định số 45/2017/QĐ-TTg để thống nhất với nội dung Thông tư sửa đổi, bổ sung Thông tư số 65/2017/TT-BTC ngày 27/6/2017 về Danh mục hàng hoá xuất khẩu, nhập khẩu Việt Nam.

VI. Ý KIẾN THAM GIA CỦA CÁC BỘ NGÀNH, HIỆP HỘI

Dự thảo Quyết định đã được gửi xin ý kiến các Bộ, cơ quan ngang Bộ, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, Phòng Thương mại, VCCI và một số Tập đoàn, gửi đăng Cổng Thông tin điển tử của Chính phủ và của Bộ Tài chính (*cơ quan soạn thảo*) để xin ý kiến của các tổ chức, cá nhân theo đúng quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật.

Bộ Tài chính nhận được ..... công văn tham gia ý kiến. Nội dung cụ thể Bộ Tài chính xin báo cáo tại Bản tổng hợp, giải trình, tiếp thu ý kiến của cơ quan, tổ chức, cá nhân về dự thảo Quyết định trình kèm.

VIII. GIẢI TRÌNH TIẾP THU Ý KIẾN THẨM ĐỊNH CỦA BỘ TƯ PHÁP

Trên đây là Tờ trình về dự thảo Quyết định sửa đổi, bổ sung Quyết định số 45/2017/QĐ-TTg , Bộ Tài chính xin kính trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, ký ban hành.

(Xin gửi kèm theo: (1) Dự thảo Quyết định; (2) Báo cáo thẩm định của Bộ Tư pháp; (3) Báo cáo giải trình ý kiến thẩm định Bộ Tư pháp; (4) Bản tổng hợp, giải trình, tiếp thu ý kiến kèm bản chụp các văn bản góp ý của các cơ quan, tổ chức, cá nhân liên quan; (5) Báo cáo đánh giá tác động)./.

Nơi nhận:
- Như trên;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Tư pháp (để p/h);
- Lưu: VT, CST(06b).

BỘ TRƯỞNG

Đinh Tiến Dũng

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ	CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
———	Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
Số: /2019/QĐ-TTg	*Hà nội, ngày tháng năm 2019*

QUYẾT ĐỊNH

Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 1 và Phụ lục Danh mục biểu thuế suất thuế nhập khẩu thông thường của Quyết định số 45/2017/QĐ-TTg ngày 16/11/2017 của Thủ tướng Chính phủ sửa đổi, bổ sung Quyết định số 36/2016/QĐ-TTg ngày 01/9/2016 của Thủ tướng Chính phủ quy định việc áp dụng thuế suất thông thường đối với hàng hoá nhập khẩu

Căn cứ Luật tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu ngày 06 tháng 4 năm 2016;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Tài chính,

Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 1 và Phụ lục Danh mục biểu thuế suất thuế nhập khẩu thông thường của Quyết định số 45/2017/QĐ-TTg ngày 16 tháng 11 năm 2017 của Thủ tướng Chính phủ sửa đổi, bổ sung Quyết định số 36/2016/QĐ-TTg ngày 01 tháng 9 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ quy định việc áp dụng thuế suất thông thường đối với hàng hoá nhập khẩu.

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 1 Quyết định số 45/2017/QĐ-TTg ngày 16/11/2017 của Thủ tướng Chính phủ

"1. Khoản 1 Điều 3 được sửa đổi, bổ sung như sau:

a) Danh mục (mô tả hàng hóa và mã hàng 08 chữ số) của một số mặt hàng có mức thuế suất thuế nhập khẩu ưu đãi bằng 0% quy định tại mục I Phụ lục II Nghị định số 125/2017/NĐ-CP ngày 16/11/2017 sửa đổi, bổ sung Nghị định số 122/2016/NĐ-CP ngày 1/9/2016 của Chính phủ về Biểu thuế xuất khẩu, Biểu thuế nhập khẩu ưu đãi, Danh mục hàng hóa và mức thuế tuyệt đối, thuế hỗn hợp, thuế nhập khẩu ngoài hạn ngạch thuế quan quy định tại mục II Phụ lục Danh mục Biểu thuế suất thuế nhập khẩu thông thường ban hành kèm theo Quyết định này.

b) Mức thuế suất thông thường quy định cho mặt hàng khoáng sản, quặng và nhiên liệu khoáng quy định tại mục I Phụ lục Danh mục Biểu thuế suất thuế

nhập khẩu thông thường kèm theo Quyết định này".

Điều 2. Hiệu lực và tổ chức thực hiện

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành từ ngày tháng năm 2019.

2. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

***Nơi nhận*:**
- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện Kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán Nhà nước;
- Ủy ban Giám sát tài chính Quốc gia;
- Ngân hàng Chính sách Xã hội;
- Ngân hàng Phát triển Việt Nam;
- Ủy ban trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan trung ương của các đoàn thể;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTg, TGĐ Cổng TTĐT, các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc, Công báo;
- Lưu: Văn thư, KTTH (2b).

THỦ TƯỚNG

Nguyễn Xuân Phúc

Phụ lục

DANH MỤC BIỂU THUẾ SUẤT

THUẾ NHẬP KHẨU THÔNG THƯỜNG

(Ban hành kèm theo Quyết định số /2019/QĐ-TTg ngày tháng năm 2019 của Thủ tướng Chính Phủ)

I. Sửa đổi thuế suất thuế nhập khẩu thông thường của một số mặt hàng khoáng sản, quặng, nhiên liệu khoáng

Mã hàng	Mô tả hàng hóa	Thuế suất (%)
2502.00.00	**Pirít sắt chưa nung.**	0
2503.00.00	**Lưu huỳnh các loại, trừ lưu huỳnh thăng hoa, lưu huỳnh kết tủa và lưu huỳnh dạng keo.**	0
25.05	**Các loại cát tự nhiên, đã hoặc chưa nhuộm màu, trừ cát chứa kim loại thuộc Chương 26.**	
2505.10.00	- Cát oxit silic và cát thạch anh	0
2505.90.00	- Loại khác	0
25.10	**Canxi phosphat tự nhiên, canxi phosphat nhôm tự nhiên và đá phấn có chứa phosphat.**	
2510.10	- Chưa nghiền:	
2510.10.10	- - Apatít (apatite)	0
2510.10.90	- - Loại khác	0
2510.20	- Đã nghiền:	
2510.20.10	- - Apatít (apatite)	0
25.11	**Bari sulphat tự nhiên (barytes); bari carbonat tự nhiên (witherite), đã hoặc chưa nung, trừ bari oxit thuộc nhóm 28.16.**	
2511.20.00	- Bari carbonat tự nhiên (witherite)	0
25.18	**Dolomite, đã hoặc chưa nung hoặc thiêu kết, kể cả dolomite đã đẽo thô hay mới chỉ cắt bằng cưa hoặc các cách khác, thành các khối hoặc tấm hình chữ nhật (kể cả hình vuông); hỗn hợp dolomite dạng nén.**	
2518.30.00	- Hỗn hợp dolomite dạng nén	0
25.26	**Quặng steatit tự nhiên, đã hoặc chưa đẽo thô hoặc mới chỉ cắt, bằng cưa hay các cách khác, thành các khối hoặc tấm hình chữ nhật (kể cả hình vuông); talc.**	
2526.10.00	- Chưa nghiền, chưa làm thành bột	0

Mã hàng	Mô tả hàng hóa	Thuế suất (%)
2526.20	- Đã nghiền hoặc làm thành bột:	
2526.20.90	- - Loại khác	0
26.01	**Quặng sắt và tinh quặng sắt, kể cả pirit sắt đã nung.**	
	- Quặng sắt và tinh quặng sắt, trừ pirit sắt đã nung:	
2601.11	- - Chưa nung kết:	
2601.11.10	- - - Hematite và tinh quặng hematite	0
2601.11.90	- - - Loại khác	0
2601.12	- - Đã nung kết:	
2601.12.10	- - - Hematite và tinh quặng hematite	0
2601.12.90	- - - Loại khác	0
2601.20.00	- Pirit sắt đã nung	0
2602.00.00	**Quặng mangan và tinh quặng mangan, kể cả quặng mangan chứa sắt và tinh quặng mangan chứa sắt với hàm lượng mangan từ 20% trở lên, tính theo trọng lượng khô.**	0
2603.00.00	**Quặng đồng và tinh quặng đồng.**	0
2604.00.00	**Quặng niken và tinh quặng niken.**	0
2605.00.00	**Quặng coban và tinh quặng coban.**	0
2606.00.00	**Quặng nhôm và tinh quặng nhôm.**	0
2607.00.00	**Quặng chì và tinh quặng chì.**	0
2608.00.00	**Quặng kẽm và tinh quặng kẽm.**	0
2609.00.00	**Quặng thiếc và tinh quặng thiếc.**	0
2610.00.00	**Quặng crôm và tinh quặng crôm.**	0
2611.00.00	**Quặng vonfram và tinh quặng vonfram.**	0
26.12	**Quặng urani hoặc quặng thori và tinh quặng urani hoặc tinh quặng thori.**	
2612.10.00	- Quặng urani và tinh quặng urani	0
2612.20.00	- Quặng thori và tinh quặng thori	0
26.13	**Quặng molipden và tinh quặng molipden.**	
2613.10.00	- Đã nung	0

Mã hàng	Mô tả hàng hóa	Thuế suất (%)
2613.90.00	- Loại khác	0
26.14	**Quặng titan và tinh quặng titan.**	
2614.00.10	- Quặng inmenit và tinh quặng inmenit	0
2614.00.90	- Loại khác	0
26.15	**Quặng niobi, tantali, vanadi hay zircon và tinh quặng của các loại quặng đó.**	
2615.10.00	- Quặng zircon và tinh quặng zircon	0
2615.90.00	- Loại khác	0
26.16	**Quặng kim loại quý và tinh quặng kim loại quý.**	
2616.10.00	- Quặng bạc và tinh quặng bạc	0
2616.90.00	- Loại khác	0
26.17	**Các quặng khác và tinh quặng của các quặng đó.**	
2617.10.00	- Quặng antimon và tinh quặng antimon	0
2617.90.00	- Loại khác	0
27.09	**Dầu mỏ và các loại dầu thu được từ các khoáng bi-tum, ở dạng thô.**	
2709.00.10	- Dầu mỏ thô	0
2709.00.90	- Loại khác	0
27.11	**Khí dầu mỏ và các loại khí hydrocarbon khác.**	
	- Dạng khí:	
2711.21	- - Khí tự nhiên:	
2711.21.10	- - - Loại sử dụng làm nhiên liệu động cơ	0
2711.21.90	- - - Loại khác	0
2711.29.00	- - Loại khác	0

II. Sửa đổi mô tả hàng hoá của một số mặt hàng

Mã hàng	Mô tả hàng hóa	Thuế suất
84.57	**Trung tâm gia công, máy kết cấu ~~một vị trí~~** ***nguyên khối (một vị trí gia công)*** **và** ***máy*** **~~nhiều vị trí~~** ***gia công chuyển dịch đa vị trí*** **để gia công kim loại.**	
8457.20.00	- *Máy ~~một vị trí gia công~~ kết cấu nguyên khối (một vị trí gia công)*	5
8457.30.00	- Máy ~~nhiều vị trí~~ gia công chuyển dịch *đa vị trí*	5

Mã hàng	Mô tả hàng hóa	Thuế suất
85.39	**Bóng đèn dây tóc hoặc bóng đèn phóng điện, kể cả đèn pha gắn kín và bóng đèn tia cực tím hoặc tia hồng ngoại; *bóng* đèn hồ quang; *bóng* đèn đi-ốt phát quang (LED).**	
	- Bóng đèn tia cực tím hoặc bóng đèn tia hồng ngoại; *bóng* đèn hồ quang:	
8539.41.00	- - *Bóng* đèn hồ quang	5
8539.49.00	- - Loại khác	5
8539.50.00	- *Bóng* đèn đi-ốt phát quang (LED)	5
90.18	**Thiết bị và dụng cụ dùng cho ngành y, phẫu thuật, nha khoa hoặc thú y, kể cả thiết bị ghi biểu đồ nhấp nháy, thiết bị điện y học khác và thiết bị kiểm tra thị lực.**	
	- Bơm tiêm, kim tiêm, ống thông, ống dẫn lưu và loại tương tự:	
9018.39	- - Loại khác:	
9018.39.10	- - - Ống thông ~~đường tiểu~~	5

(Trong đó: Chữ in ngiêng là bổ sung mới; chữ gạch chân là bỏ)

BỘ TÀI CHÍNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày tháng năm 2019

BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG

(Dự thảo Quyết định sửa đổi, bổ sung Quyết định số 45/2017/QĐ-TTg ngày 16/11/2017 của Thủ tướng Chính phủ sửa đổi, bổ sung Quyết định số 36/2016/QĐ-TTg ngày 01/9/2016 của Thủ tướng Chính phủ quy định việc áp dụng thuế suất thông thường đối với hàng hóa nhập khẩu)

I. XÁC ĐỊNH VẤN ĐỀ BẤT CẬP TỔNG QUAN

1. Bối cảnh xây dựng chính sách

Ngày 16/11/2017, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 45/2017/QĐ-TTg về việc sửa đổi, bổ sung Quyết định số 36/2016/QĐ-TTg quy định việc áp dụng thuế suất thông thường đối với hàng hoá nhập khẩu với hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2018. Mức thuế suất thông thường tại Quyết định số 45/2017/QĐ-TTg được quy định căn cứ điểm c khoản 3 Điều 5 Luật thuế xuất nhập khẩu số 107/2016/QH13 "*Thuế suất thông thường được quy định bằng 150% thuế suất ưu đãi của từng mặt hàng tương ứng. Trường hợp mức thuế suất ưu đãi bằng 0%, Thủ tướng Chính phủ căn cứ quy định tại Điều 10 của Luật này để quyết định việc áp dụng mức thuế suất thông thường*". Theo đó, tại Quyết định số 45/2017/QĐ-TTg quy định mức thuế suất thông thường là 5% đối với 3.282 dòng hàng hiện đang được quy định mức thuế suất ưu đãi (MFN) là 0% tại Biểu thuế nhập khẩu ưu đãi ban hành kèm theo Nghị định số 125/2017/NĐ-CP ngày 16/11/2017 sửa đổi, bổ sung Nghị định số 122/2016/NĐ-CP.

Theo số liệu thống kê năm 2017, kim ngạch nhập khẩu áp dụng thuế suất thuế nhập khẩu thông thường là 85,4 triệu USD, nguồn nhập khẩu chủ yếu từ các quốc gia: Bosnia Herzegowina, Serbia, Timor Leste, New Caledonia, Puerto Rico, San Marino, Liberia... chiếm tỷ trọng không đáng kể (khoảng 0,04% trên tổng kim ngạch nhập khẩu có thuế của cả năm 2017)[1].

Việc quy định mức thuế suất thuế nhập khẩu thông thường bằng 5% cho 3.282 dòng thuế có thuế suất MFN là 0% tại Quyết định số 45/2017/QĐ-TTg đã thể hiện quan điểm của Chính phủ Việt Nam trong việc khuyến khích hợp tác, hội nhập kinh tế quốc tế và thể hiện nguyên tắc ưu đãi đối với các quốc gia là thành viên của WTO và các quốc gia, vùng lãnh thổ đã ký Hiệp định thương mại

[1] Tổng kim ngạch nhập khẩu có thuế của cả năm 2017 là 211.038 triệu USD.

tự do (FTA) với Việt Nam. Tuy nhiên, sau 02 năm thực hiện Quyết định 36/2016/QĐ-TTg và Quyết định số 45/2017/QĐ-TTg (kể từ ngày 1/9/2016 đến nay), Bộ Tài chính nhận được 02 công văn của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam và Công ty cổ phần lọc hoá dầu Bình Sơn (BSR) kiến nghị về sửa đổi thuế suất thuế nhập khẩu thông thường của mặt hàng dầu thô của Công ty cổ phần lọc hoá dầu Bình Sơn để làm nguyên liệu sản xuất cho Nhà máy lọc hóa dầu Dung Quất.

Ngoài ra, trên cơ sở kiến nghị của PVNvà Công ty Bình Sơn, Bộ Tài chính đã thực hiện rà soát toàn bộ Danh mục biểu thuế suất thuế nhập khẩu thông thường để sửa đổi mô tả hàng hoá của một số mặt hàng, nhóm mặt hàng tại biểu thuế suất thuế thông thường ban hành kèm theo Quyết định số 45/2017/QĐ-TTg.

2. Mục tiêu xây dựng chính sách

- Thống nhất trong thực hiện Danh mục hàng hoá xuất khẩu, nhập khẩu Việt Nam, tạo thuận lợi cho công tác quản lý thu thuế của cơ quan hải quan;

- Tiếp tục tạo thuận lợi cho hoạt động xuất nhập khẩu; nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia; góp phần thúc đẩy sản xuất xuất khẩu với giá trị gia tăng cao do sử dụng nguồn tài nguyên, khoáng sảnnhập khẩu làm nguyên liệu sản xuất đầu vào của doanh nghiệp trong nước đảm bảo chất lượng và giá cá cạnh tranh và ổn định qua đó góp phần tăng trưởng kinh tế; đáp ứng tốt hơn yêu cầu của nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa.

II. ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG CỦA CHÍNH SÁCH

1. Sửa đổi thuế suất thuế nhập khẩu thông thường của một số mặt hàng

1.1. Xác định vấn đề bất cập

a) Bộ Tài chính nhận được 02 công văn của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam và Công ty cổ phần lọc hoá dầu Bình Sơn (BSR) kiến nghị về sửa đổi thuế suất thuế nhập khẩu thông thường của mặt hàng dầu thô của công ty cổ phần lọc hoá dầu Bình Sơn.

Theo phản ánh của công ty BSR, do nguồn cung dầu thô cho NMLD Dung Quất từ nguồn dầu thô khai thác trong nước của mỏ Bạch Hổ đang giảm, không còn đáp ứng nhu cầu dầu thô để vận hành 100% công suất nhà máy như thiết kế. Công ty phải nhập khẩu dầu thô từ các khu vực, quốc gia khác nhau trên thế giới (09 nước). Trong đó, nguồn nhập khẩu dầu thô có xuất xứ từ các nước như Azerbaijan và Libya phải chịu thuế nhập khẩu thông thường là 5%. Dầu thô Azeri nhập khẩu từ Azerbaijan được đánh giá là loại dầu thô chiến lược của NMLD Dung Quất do có sản lượng khai thác lớn, lịch bốc dầu linh động, giá bán cạnh tranh, tính chất tương đối phù hợp với cấu hình của nhà máy với tỷ lệ chế biến cao nên sẽ là một trong nguồn dầu thô cơ bản có thể thay thế dầu thô Bạch Hổ cung cấp cho nhà máy khi nguồn dầu thô Bạch Hổ sụt giảm. Tuy nhiên, với mức thuế suất nhập khẩu thông thường 5% như hiện nay khiến cho chi phí mua dầu thô Azeri tăng, hiệu quả chế biến giảm sút, có thể không mua

được làm ảnh hưởng lớn đến việc đảm bảo nguồn cung dầu thô cho NMLD Dung Quất trong giai đoạn hiện nay và sau khi nâng cấp mở rộng nhà máy.

Theo số liệu của TCHQ, kim ngạch nhập khẩu dầu thô từ các nước năm 2017 là 476,5 triệu USD trong đó lượng nhập khẩu từ Azerbaijan là 250,4 triệu USD chiếm tỷ trọng 52,5% (9 tháng 2018 đạt khoảng 78,8 triệu USD). Hiện nay, trong nước chỉ có 02 nhà máy lọc hoá dầu Bình Sơn và lọc hoá dầu Nghi Sơn. Đối với nhà máy lọc hoá dầu Nghi Sơn, Chính phủ đã cho nhà máy được hưởng ưu đãi thuế nhập khẩu dầu thô là 0%[2] vì vậy, nhà máy lọc hoá dầu Nghi Sơn không phải nộp thuế nhập khẩu đối với dầu thô trong khi nhà máy lọc hoá dầu Bình Sơn phải nộp thuế nhập khẩu 5% đối với nguồn nhập khẩu từ các nước[3] không thực hiện đối xử tối huệ quốc trong quan hệ thương mại với Việt Nam, không có thoả thuận ưu đãi đặc biệt về thuế nhập khẩu trong quan hệ thương mại với Việt Nam (trong đó có Azeri).

b) Ngoài mặt hàng dầu mỏ thô, các mặt hàng khoáng sản, quặng, nhiên liệu khoáng cũng đang được quy định mức thuế suất thông thường là 5% tại Quyết định số 45/2017/QĐ-TTg.

Hiện nay, nguồn tài nguyên khoáng sản không tái tạo trong nước đang có xu hướng cạn kiệt, trong khi đó nền kinh tế Việt Nam đang trong quá trình tăng trưởng, quy mô nền kinh tế Việt Nam năm sau luôn cao hơn năm trước thể hiện qua tăng trưởng GDP từ năm 2012 đến nay đều ở mức trên 5%. Vì vậy, nhu cầu nhập khẩu khoáng sản, quặng và nhiên liệu khoáng để phục vụ cho công nghiệp chế biến, sản xuất công nghiệp trong nước gia tăng. Mặc dù hiện nay, không phát sinh KNNK áp dụng thuế suất thông thường nhưng với xu hướng phát triển của các ngành công nghiệp trong nước thì khả năng sẽ phát sinh KNNK từ các nước áp dụng thuế suất thông thường trong thời gian tới.

1.2. Mục tiêu giải quyết vấn đề

Để tháo gỡ khó khăn cho doanh nghiệp

1.3. Các giải pháp đề xuất để giải quyết vấn đề

- Theo Quyết định số 45/2017/QĐ-TTg, mặt hàng dầu mỏ thô thuộc mã hàng 2709.00.10 và 29 mặt hàng khoáng sản, quặng và nhiên liệu khoáng (theo Danh mục gửi kèm) có mức thuế suất thuế thông thường 5%. Hiện nay, mức thuế suất MFN và FTA của mặt hàng này được quy định là 0%, theo đó, dự thảo Quyết định sửa đổi thuế suất thông thường của mặt hàng dầu thô, khoáng sản, quặng và nhiên liệu khoáng từ 5% xuống 0%.

- Sửa đổi mô tả hàng hoá của một số mặt hàng, nhóm mặt hàng tại Biểu thuế suất thuế thông thường ban hành kèm theo Quyết định số 45/2017/QĐ-TTg để thống nhất với nội dung Thông tư sửa đổi, bổ sung Thông tư số 65/2017/TT-BTC ngày 27/6/2017 về Danh mục hàng hoá xuất khẩu, nhập khẩu Việt Nam để

---

[2] khoản 3 phụ lục B-Chế độ thuế kèm theo GGU thì *"Dự án NSRP được hưởng mức thuế suất thuế nhập khẩu dầu thô là 0% đối với bất kỳ lượng dầu thô nhập khẩu nào sử dụng cho mục đích của NSRP.*

[3] Bosnia Herzegowina, Serbia, Timor Leste, New Caledonia, Puerto Rico, San Marino, Liberia, Azeri

phù hợp với Thông tư sửa đổi, bổ sung Thông tư số 65/2017/TT-BTC ngày 27/6/2017 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung mô tả 26 đề mục (trong đó có sửa tên chương, tên nhóm hoặc tên mô tả của mã hàng) đang được Bộ Tài chính nghiên cứu và dự kiến ban hành trước tháng 2/2019.

1.4. Đánh giá tác động của phương án

- Tác động tiêu cực:

+ Đối với Nhà nước: Không có.

+ Đối với tổ chức, cá nhân: Không có.

- Tác động tích cực:

+ Đối với Nhà nước: Góp phần tạo thuận lợi và góp phần tăng trưởng chung của nền kinh tế.

+ Đối với tổ chức, cá nhân: Góp phần tạo điều kiện cho doanh nghiệp tìm kiếm, mở rộng thị trường, giá cả hợp lý và nguồn ổn định.

1.5. Kiến nghị giải pháp lựa chọn

Khoản 1 Điều 1 Dự thảo đề nghị sửa đổi thuế suất thuế nhập khẩu thông thường đối với mặt hàng dầu thô, một số mặt hàng khoáng sản, quặng, nhiên liệu khoáng (thuộc thẩm quyền của Thủ tướng Chính phủ).

2. Sửa đổi mô tả hàng hóa của một số nhóm mặt hàng.

2.1 Xác định vấn đề bất cập

Hiện nay, Tổng cục Hải quan đang xây dựng dự thảo Thông tư sửa đổi, bổ sung Thông tư số 65/2017/TT-BTC ngày 27/6/2017 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung mô tả 26 đề mục (trong đó có sửa tên chương, tên nhóm hoặc tên mô tả của mã hàng). Qua rà soát thì có 03 nhóm mặt hàng có tên trong danh mục Biểu thuế suất thông thường đã được sửa đổi, bổ sung mô tả hàng hoá. Do vậy, để thống nhất trong thực hiện thì cần thiết sửa đổi mô tả hàng hoá của một số mặt hàng, nhóm mặt hàng tại Biểu thuế suất thuế thông thường ban hành kèm theo Quyết định số 45/2017/QĐ-TTg để thống nhất với nội dung Thông tư sửa đổi, bổ sung Thông tư số 65/2017/TT-BTC.

2.2. Mục tiêu giải quyết vấn đề

Nâng cao tính pháp lý, đảm bảo tính rõ ràng, minh bạch.

2.3. Các giải pháp đề xuất để giải quyết vấn đề

Đề nghị sửa đổi mô tả hàng hoá của một số mặt hàng, nhóm mặt hàng tại Biểu thuế suất thuế thông thường ban hành kèm theo Quyết định số 45/2017/QĐ-TTg để thống nhất với nội dung Thông tư sửa đổi, bổ sung Thông tư số 65/2017/TT-BTC.

2.4. Đánh giá tác động của phương án

Tác động tiêu cực:

- Đối với Nhà nước: Không có.

- Đối với tổ chức, cá nhân: Không có.

Tác động tích cực:

Đối với Nhà nước và tổ chức, cá nhân: việc sửa đổi, bổ sung sẽ minh bạch về chính sách và tạo thuận lợi trong thực hiện.

2.5. Kiến nghị giải pháp lựa chọn

Khoản 2 Điều 1 Dự thảo đề nghị sửa đổi mô tả của một số mặt hàng (thuộc thẩm quyền của Thủ tướng Chính phủ).

III. KẾT LUẬN

Qua quá trình nghiên cứu, xây dựng và tham vấn Báo cáo đánh giá tác động này cho thấy việc nghiên cứu và trình Thủ tướng Chính phủ dự thảo Quyết định sửa đổi, bổ sung Quyết định số 45/2017/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ là cần thiết phù hợp với các diễn biến về môi trường kinh tế vĩ mô trong nước cũng như quốc tế thời gian qua./.

BỘ TÀI CHÍNH